

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04 – 7 – 2022

Về việc ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Quang Ngọc Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Ngọc Phương;

2. Ông Lê Văn Công.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Cảnh Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 87/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Bà D, sinh năm 1986; nơi thường trú: Ấp T, xã A, thị xã C, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: KDC V, khu phố X, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp T, xã A, thị xã C, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: Khu phố X, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Bà D và ông B tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau, sau đó cả hai tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, thị xã C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyền số 02/2008 ngày 28/8/2008.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, cuộc sống ngày càng căng thẳng, hiện tại cả hai không còn yêu thương, quan tâm đến cuộc sống của nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Mâu thuẫn vợ chồng bà D không được chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải vì bà D, ông B không yêu cầu.

Bà D xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông B, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông B.

Về con chung: Quá trình chung sống bà D và ông B có 01 người con chung tên L, sinh ngày 17/3/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông B đã được tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp bản tự khai hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ, ông B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề hôn nhân và con chung đối với bị đơn ông B, có nơi cư trú tại địa chỉ Khu phố X, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó,

Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông B tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, thị xã C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 02/2008 ngày 28/8/2008. Quan hệ hôn nhân của bà D và ông B là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Bà D xác định trong cuộc sống hôn nhân có mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên, cuộc sống vợ chồng căng thẳng, không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cả hai không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng.

[2.3] Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng thì cả hai phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông B không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, mâu thuẫn giữa bà D và ông B đã kéo dài. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng ông B không đến Tòa án làm việc, không cung cấp bản tự khai hay bất cứ tài liệu chứng cứ nào để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cho thấy ông B không quan tâm và không mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với bà D. Do đó, lời trình bày cũng như yêu cầu về việc ly hôn của bà D là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà D và ông B có 01 người con chung tên L, sinh ngày 17/3/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D đối với bị đơn ông B về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà D được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Bà D và ông B có 01 người con chung tên L, sinh ngày 17/3/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002009 ngày 07/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Quang Ngọc Nhân**